

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH LÀO CAI VÀ
CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH LÀO CAI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ
NÊN THAM KHẢO KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ
TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH LÀO CAI

Địa chỉ: Số nhà 037 đường Nguyễn Huệ , phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 0203.830224

Fax : 0203.830224



TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39412626 Fax: (84-4) 39347818



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building, số 444
Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khê, Q. Tây Hồ, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35771968 Fax: (84-4) 335771966

Lào Cai, tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	1
II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	4
1. Doanh nghiệp cổ phần hóa	4
2. Vốn điều lệ sau đợt bán đấu giá.....	4
3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá.....	5
4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá.....	5
IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	6
1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bán đấu giá cổ phần	6
2. Quá trình hình thành và phát triển	6
3. Ngành nghề kinh doanh	8
4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	8
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty	8
6. Tổng số lao động của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	19
7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014.....	19
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	21
9. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết	30
10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.....	30
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	38
12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	40
13. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	52
14. Các rủi ro dự kiến	53
15. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần	56
16. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt bán đấu giá	59
17. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	59
V. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA	60
VI. THAY LỜI KẾT	61

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 từ ngày 16 tháng 05 đến ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp Nhà nước;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- Văn bản số 84/TTg-ĐMDN ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê

duyet Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;

- Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của UBND tỉnh Lào Cai; Phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Lào Cai.
- Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 16/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về kế hoạch sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2015;
- Công văn số 2654/UBND-CT, ngày 14/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai; V/v Lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Quyết định số: 2654/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Lào Cai; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai.
- Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai;
- Quyết định số 4344/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai thành công ty cổ phần;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
<i>Công ty</i>	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai
<i>Doanh nghiệp cổ phần hoá</i>	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai
<i>Tổ chức tư vấn</i>	Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (Apec)
<i>Điều lệ</i>	Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai
<i>UBND</i>	Ủy ban nhân dân
<i>TNHH</i>	Trách nhiệm hữu hạn
<i>TCHC</i>	Tổ chức hành chính
<i>KT – KHKT</i>	Kinh tế - Kế hoạch kỹ thuật
<i>QLDA</i>	Quản lý dự án
<i>SXKD</i>	Sản xuất kinh doanh
<i>DN</i>	Doanh nghiệp
<i>XDCB</i>	Xây dựng cơ bản

III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên tổ chức chào bán : CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH LÀO CAI
- Trụ sở chính : Số nhà 037 đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại : 0203.830224
- Fax : 0203.830224
- Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hoá : 153.804.610.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba tỷ, tám trăm linh tư triệu, sáu trăm mười ngàn đồng*)
- Tổng số lượng cổ phần : 15.380.461 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Số cổ phần bán đấu giá : 2.150.000 cổ phần, tương đương 13,98% vốn điều lệ.
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Hình thức chào bán : Đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Giá khởi điểm bán đấu giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Bước giá : 100 đồng
- Số mức giá : 02 mức giá
- Bước khối lượng : 100 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu: 100 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đặt mua tối đa: 2.150.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần đặt mua phải bằng hoặc thấp hơn số lượng cổ phần đăng kí.

2. Vốn điều lệ sau đợt bán đấu giá

- Vốn điều lệ : 153.804.610.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 15.380.461 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước nắm giữ (63,98%) : 9.840.061 cổ phần
- Cổ phần của các cổ đông khác (36,02%) : 5.540.400 cổ phần

Bao gồm:

- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm công tác: 420.200 cổ phần, tương đương 4.202.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 2,73% vốn điều lệ.
- Cổ phần được mua ưu đãi theo mức 200 cổ phần/năm do có cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa: 820.200 cổ phần, tương đương 8.202.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,33% vốn điều lệ
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 2.150.000 cổ phần, tương đương 21.150.000.000 đồng, chiếm 13,98% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 2.150.000 cổ phần, tương đương 21.150.000.000 đồng, chiếm 13,98% vốn điều lệ.

3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 02 và tầng 03, tòa nhà Machinco Building, số 444 đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35771968

Fax: (84-4) 335771966

4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2, Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39412626

Fax: (84-4) 39347818

IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bán đấu giá cổ phần

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH LÀO CAI
- Trụ sở chính : Số nhà 037 đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại : 0203.830224 Fax: 0203.830224
- Tài khoản số : 0951002136666 tại ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Lào Cai
- Mã số thuế : 5300102876
- Chủ sở hữu Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai
- Loại hình doanh nghiệp: Là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân và con dấu riêng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số đăng ký 5300102876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/06/2012.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai, tiền thân là Công ty cấp thoát nước tỉnh Lào Cai, được thành lập theo Quyết định số 59/QĐ-UB, ngày 18/02/1993 của UBND tỉnh Lào Cai, đến ngày 24/10/2006 được chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên. Ngay từ ngày đầu thành lập, Công ty đã kiện toàn bộ máy tổ chức với tổng số cán bộ công nhân viên là 25 người, cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn. Ban lãnh đạo cùng cán bộ công nhân viên đã vượt qua khó khăn, cải tạo và xây dựng một số trạm sản xuất nước cung cấp chủ yếu là nước thô công suất 300 đến 500 m³/ng.đ, lắp đặt mạng lưới đường ống cung cấp nước cho các cơ quan và một phần nhu cầu của cơ quan đơn vị và nhân dân trên địa bàn thị xã, góp phần vào sự ổn định chung của thị xã những ngày tái thành lập tỉnh.

Năm 1994, từ nguồn vốn tài trợ của chính phủ Pháp, hệ thống cấp nước của thị xã Lào Cai được mở rộng và dây truyền xử lý giai đoạn I được xây dựng theo công nghệ hiện đại với công suất 6.000m³/ ng.đêm.

Năm 1996- 2010, bằng các nguồn vốn với tổng mức đầu tư khoảng trên 72 tỷ đồng, Công ty đã đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng một số dự án công trình nâng

năng lực hoạt động cấp nước cụ thể như sau:

+ Nguồn vốn ODA gồm: Vốn AFD công ty đã làm chủ đầu tư xây dựng tiếp giai đoạn II nâng công suất NMN Lào Cai lên 12.000m³/ng.đêm; và nguồn vốn JIBIC công ty làm chủ đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Thị trấn Phố Lu công suất 1.200m³/ng.đêm; nhà máy nước thị trấn Sa Pa 1.500m³/ng.đêm.

+ Với nguồn vốn vay trong nước công ty đã đầu tư xây dựng nhà máy nước Cốc San (với công suất 12.000m³/ng.đêm, nâng tổng công suất thiết kế của toàn thành phố Lào Cai lên 24.000m³/ng.đêm. Nguồn vốn Ngân sách công ty xây dựng mạng lưới đường ống được mở rộng cung cấp nước sạch cho 95% dân số trong địa bàn trung tâm thành phố, xây dựng hệ thống tuyến ống, với đường kính ống từ D110 đến D300 cho các khu công nghiệp, khu thương mại trên địa bàn thành phố Lào Cai và phục vụ cấp nước cho khu hành chính của tỉnh, di chuyển từ Phường Cốc Lếu, Phường Kim Tân về khu Đô thị mới Lào Cai - Cam Đường.

+ Thực hiện nhiệm vụ chính trị của UBND tỉnh giao, năm 2000 đến năm 2007 Công ty đã tiếp nhận, quản lý và khai thác hệ thống cấp nước của 6 trung tâm huyện lỵ (Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, Bát Xát, Simacai, Bắc Hà) mở rộng độ bao phủ cấp nước trên toàn tỉnh và nhận bàn giao hệ thống cấp nước khu vực thị xã Cam Đường (cũ) + khu thị trấn Tầng Loong của Công ty Apatit với công suất nhận bàn giao là 9.200m³/ng.đêm, nâng tổng công suất sản xuất nước của toàn Công ty đến năm 2010 là 35.900m³/ng.đêm.

Năm 2010 - 2015: Công ty đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước nâng công suất cấp nước đến nay là: phục vụ sản xuất cho khu công nghiệp Tầng Loong bằng nguồn vốn vay Ngân hàng thương mại trong nước, vốn tự có của Công ty với công suất từ 1.500m³/ng.đêm lên 42.000m³/ng.đêm. Đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp: (1) tuyến ống cấp nước (Minh Đức) Thị trấn Khánh Yên Văn Bàn, (2) nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước Phố Lu 3.800m³/ng.đêm bằng nguồn vốn JICA và vốn Ngân sách, nâng tổng công suất cấp nước của xí nghiệp KDNS TT Phố Lu, huyện Bảo Thắng từ 1.200m³/ng.đêm lên 5.000m³/ng.đêm; Công ty đầu tư cải tạo, nâng công suất nhà máy nước bằng nguồn vốn AFD và vốn Ngân sách nâng công suất cấp nước lên thành 6.000m³/ng.đêm; (3) tháng 12/2014 tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Cốc San (GĐ III) nâng công suất từ 12.000m³/ng.đêm lên 18.000m³/ng.đêm, dự kiến hoàn thành tháng 12/2015. (4) đầu tư xây dựng tuyến ống nước thô tự chảy D500 từ thủy điện Cốc San về nhà máy nước Cốc San, nguồn vốn vay WB với

tổng mức đầu tư là 126,7 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành 2017.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5300102876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/06/2012, ngành nghề kinh doanh chính bao gồm:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
2.	Xây dựng, Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước	43221
3.	Lắp đặt hệ thống điện	34210
4.	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông trong mặt bằng xây dựng	42900;431
5.	Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước	46591
6.	Kinh doanh, nhập khẩu hóa chất	46692
7.	Nhập khẩu vật tư máy và thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư thiết bị điện tử	46592
8.	Sản xuất nước lọc tinh khiết đóng chai, bình	11041

4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty

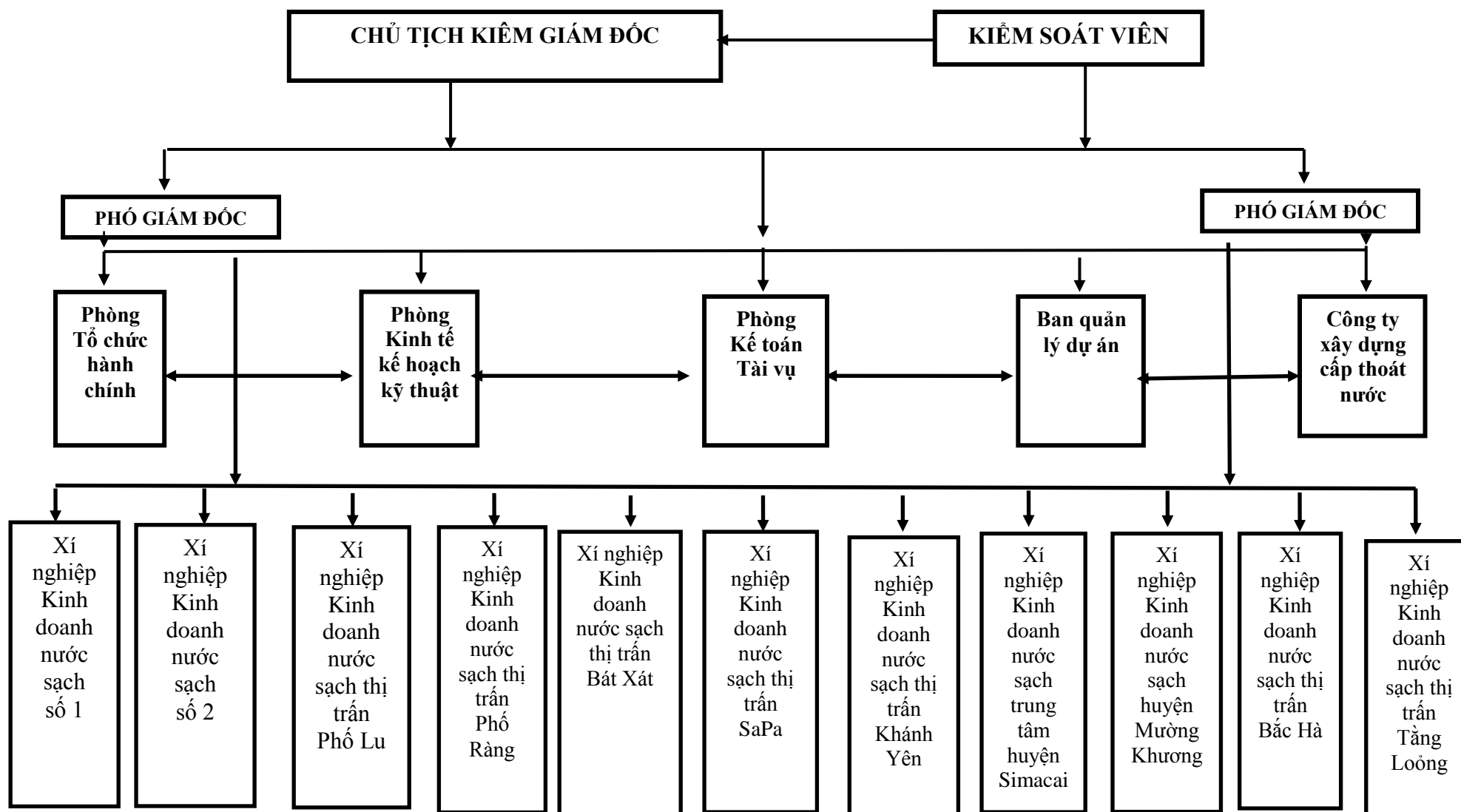
Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty do UBND tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu.

Bộ máy tổ chức Công ty bao gồm:

- Chủ tịch công ty là người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp do chủ sở hữu bổ nhiệm.
- Phó giám đốc công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm
- Các phòng chuyên môn trực thuộc:
 - + Phòng Tổ chức hành chính
 - + Phòng kinh tế kế hoạch kỹ thuật
 - + Phòng kế toán tài vụ
 - + Phòng Ban quản lý dự án

- Các đơn vị sản xuất trực thuộc:
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch số 1
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch số 2
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch phố Lu
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch phố Ràng
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch thị trấn Bát Xát
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch thị trấn Sapa
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch thị trấn Khánh Yên
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch thị trung tâm huyện Simacai
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch huyện Mường Khương
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch thị trấn Bắc Hà
 - + Xí nghiệp kinh doanh nước sạch thị trấn Tả Lê

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH LÀO CAI



Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các bộ phận, phòng ban Công ty:***a. Chủ tịch kiêm Giám đốc***

Chủ tịch kiêm Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, do UBND tỉnh Lào Cai (chủ sở hữu) bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Lào Cai, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trực tiếp phụ trách công tác sau:

- Tiếp nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để quản lý và sử dụng theo chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao cho doanh nghiệp, giao các nguồn lực đã nhận của nhà nước cho các đơn vị thành viên quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả.
- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn và hàng năm của doanh nghiệp. Xây dựng phương án kinh doanh, đề án tổ chức quản lý của doanh nghiệp và các dự án đầu tư trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Công tác kế toán tài chính, ký kết hợp đồng kinh tế. Phê duyệt dự án đầu tư và dự toán thiết kế, quyết toán công trình trong thẩm quyền nhà nước quy định.
- Công tác quy hoạch và tổ chức cán bộ.
- Áp dụng, phê duyệt và ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn, sản phẩm, đơn giá tiền lương, phương thức trả lương phù hợp với quy định của Nhà nước.
- Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.
- Có trách nhiệm tổ chức và thực hiện điều lệ của Công ty và quy chế dân chủ ở doanh nghiệp.

b. Phó Giám đốc:

Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

- Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực TCHC trực tiếp phụ trách công tác sau:
 - Chỉ đạo hoạt động của phòng Tổ chức hành chính, thường trực giải quyết mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức chính trị xã hội.
 - Giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty về công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật.

- Giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty trong việc thực hiện chế độ chính sách về lao động, việc làm và tiền lương trong toàn doanh nghiệp.
- Công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của các đơn vị sản xuất về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty.
- Phó giám đốc phụ trách lĩnh vực KT-KHKT
- Phụ trách hoạt động SXKD nước sạch trong Công ty, chỉ đạo công tác chống thất thu thất thoát.
- Chỉ đạo, công tác thi công các công trình theo đúng trình tự xây dựng cơ bản; chỉ đạo và hướng dẫn việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá vật tư vật liệu theo quy định của Nhà nước và quyết định của Công ty.
- Giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty chỉ đạo hoạt động của phòng Kinh tế kế hoạch kỹ thuật và các đơn vị sản xuất. Hàng tuần, hàng tháng báo cáo Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty với đầy đủ thông tin chính xác để Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty đề ra phương án kịp thời chỉ đạo sản xuất kinh doanh.
- Phụ trách hoạt động của Ban QLDA, công tác đầu thầu. Hợp đồng giao nhận thầu với chủ đầu tư và hợp đồng nội bộ khi được Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty ủy quyền.
- Chỉ đạo công tác ATLĐ, nghiên cứu kế hoạch đào tạo CNKT, thi tay nghề cho công nhân. Phụ trách công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động SXKD của các đơn vị trực thuộc.
- Thường trực giải quyết mối quan hệ giữa công ty với lực lượng tự vệ của DN.

c. Kiểm soát viên

UBND tỉnh Lào Cai bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá 03 năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Nhiệm vụ của Kiểm soát viên:

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Chủ tịch kiêm Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu. Trong quản lý điều hành công việc sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính. Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan.
- Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.
- Các nhiệm vụ khác quy định tại điều lệ của công ty hoặc theo yêu cầu quyết định của chủ sở hữu Công ty.

d. Phòng Tổ chức hành chính

- Có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty về việc tuyển dụng biên chế và sắp xếp biên chế tại văn phòng, các đơn vị trực thuộc Công ty, trên cơ sở năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe của từng cá nhân đảm bảo bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty hoạt động có hiệu quả. Tham mưu về công tác hành chính, công tác tiền lương, công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty theo đúng quy định của Nhà nước.
- Quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên lao động thuộc quyền quản lý của Công ty.
- Công tác nâng bậc lương, thi bậc thợ, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- Công tác hành chính và chế độ chính sách cho người lao động.

e. Phòng Kinh tế - Kế hoạch kỹ thuật

Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc Công ty trong việc quản lý vận hành hệ thống cấp nước, lĩnh vực kinh tế, kế hoạch, kỹ thuật, đầu tư, thi công xây dựng, công tác vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh.

Công tác kế hoạch

- Xây dựng kế hoạch và tổng hợp kết quả thực hiện theo định kỳ để báo cáo cấp trên khi có yêu cầu.
- Thực hiện và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác kinh tế, kế hoạch kỹ thuật trong Công ty như: Văn bản quy phạm, chế độ chính sách mới để vận dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn thay đổi hoặc mới ban hành.
- Thực hiện bước chuẩn bị đầu tư cho các dự án khi được Công ty giao.

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị, quản lý kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn qui phạm của Nhà nước ban hành. Chủ động xây dựng kế hoạch, sản xuất. Tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo qui định của nhà nước đối với Công ty và kế hoạch Công ty giao cho các đơn vị.
- Kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tiến độ thực hiện dự án của Ban quản lý dự án, các nhà thầu tư vấn, xây lắp theo quy định về XD/CB.
- Xác định nhu cầu vật tư đưa vào từng công đoạn của các dây chuyền sản xuất nước đáp ứng đầy đủ phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thẩm tra hồ sơ dự toán, vật tư, thiết bị của các xí nghiệp kinh doanh nước sạch.
- Dự thảo hợp đồng kinh tế khoán gọn đối với các đơn vị trình Giám đốc công ty ký.
- Xác định nhu cầu vật tư tiền vốn đối với các xí nghiệp kinh doanh nước sạch tham gia xây lắp phải phù hợp với kế hoạch và tiến độ thi công đảm bảo đúng khối lượng yêu cầu kỹ thuật.
- Phối hợp với phòng Kế toán tài vụ để giải quyết những vướng mắc và nắm vững tình hình thanh quyết toán của các công trình.
- Hàng tháng lập báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tình hình sử dụng vật tư chủ yếu của từng xí nghiệp kinh doanh nước và các đơn vị xây lắp theo sản lượng thực hiện.
- Quy định thống nhất hệ thống biểu mẫu báo cáo kế hoạch kỹ thuật liên quan giữa các phòng ban nghiệp vụ, xí nghiệp kinh doanh nước và các đơn vị trực thuộc, tập hợp số liệu để tổng hợp báo cáo hàng tháng theo quy định của cơ quan cấp trên.
- Khảo sát thiết kế lập dự toán các hạng mục công trình cải tạo phát triển tuyến mạng, sửa chữa nhỏ của các xí nghiệp trong phạm vi quản lý của Công ty.
- Chủ động lập kế hoạch và lựa chọn vật tư, thiết bị, nguyên liệu đảm bảo phù hợp yêu cầu sản xuất. Trình Ban giám đốc công ty duyệt, phối hợp với phòng Kế toán tài vụ trong việc nhập xuất vật tư để phục vụ sản xuất cho các xí nghiệp kinh doanh.
- Kết hợp cùng phòng Kế toán tài vụ, phòng Tổ chức hành chính kiểm tra các hoạt động về sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp kinh doanh nước sạch.
- Tham mưu cho Ban giám đốc công ty về việc xây dựng và xác định các định mức kinh

tế kỹ thuật, chi phí nguyên nhiên liệu, vật tư hóa chất để xác định hình thức khoán cho các xí nghiệp và đầu tư và thực hiện cải tạo lại hệ thống cấp nước trong toàn công ty. Chủ trì việc kiểm tra thiết bị, máy, trước khi sửa chữa.

- Quản lý xe ô tô cầu tự hành hợp lý, an toàn, quản lý kho vật tư và nhập xuất vật tư, phối hợp cùng phòng Kế toán tài vụ trong việc nhập xuất để đảm bảo công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp.
- Tham mưu cho Công ty về chủ trương đầu tư xây dựng các dự án của Công ty; Có chức năng thẩm định dự án đầu tư, thẩm định kế hoạch đầu tư, kết quả đấu thầu để trình chủ đầu tư phê duyệt đối với các dự án có thẩm quyền theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Công tác kỹ thuật

- Xây dựng nội quy, quy trình vận hành dây chuyền SXCN cho các đơn vị theo đúng quy trình, qui phạm kỹ thuật và an toàn lao động theo quy định của nhà nước. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác thực hiện nội quy, quy trình an toàn VSLĐ. Quản lý hồ sơ các thiết bị đảm bảo an toàn nghiêm ngặt. Có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định biện pháp thi công và an toàn lao động (do các đơn vị lập) trước khi trình Giám đốc phê duyệt.
- Kiểm tra kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dây chuyền công nghệ sản xuất nước và các công trình xây dựng. Quản lý dây chuyền kiểm định đồng hồ và thực hiện công tác kiểm định đồng hồ theo đúng quy định của Tổng cục đo lường chất lượng Việt Nam.
- Chỉ đạo các xí nghiệp kinh doanh sử lý các sự cố về máy móc thiết bị và tuyên ông đảm bảo cấp nước an toàn ổn định cho từng địa bàn. Phối hợp với các đơn vị đưa ra những giải pháp chống thất thu thất thoát trên 2 phương diện quản lý và kỹ thuật.
- Có trách nhiệm hướng dẫn việc kiểm tra, theo dõi chất lượng nguồn nước ở XNKD nước trong phạm vi toàn Công ty. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước và sản phẩm nước sạch từ đó có biện pháp giải quyết phù hợp, kịp thời. Đồng thời quản lý chất lượng nước sạch của tất cả các xí nghiệp trực thuộc đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn của Bộ y tế về nước sinh hoạt.
- Xác định các sự cố khi có báo cáo của các đơn vị. Lập phương án xử lý để giải quyết

kịp thời đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh.

f. Phòng kế toán tài vụ

- Tham mưu cho Chủ tịch kiêm Giám đốc về công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp.
- Ghi chép, tính toán, phản ánh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế tài chính, cung cấp số liệu tài liệu về việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh phục vụ cho việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.
- Phối kết hợp với các phòng, ban chức năng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch vật tư, nguồn vốn theo tháng, quý, năm. Xây dựng kế hoạch vốn và đảm bảo nguồn vốn đáp ứng yêu cầu SXKD của doanh nghiệp.
- Có trách nhiệm theo dõi việc hạch toán kết quả kinh doanh nước sạch theo từng xí nghiệp kinh doanh nước sạch, từng công trình của các xí nghiệp tham gia xây lắp, báo cáo kịp thời cho Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.
- Lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành, phân tích tình hình SXKD của toàn công ty. Báo cáo tình hình thanh toán công nợ, kế hoạch thu hồi vốn.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát tài chính đối với các đơn vị thành viên theo yêu cầu của chủ sở hữu.
- Kết hợp với phòng kinh tế kế hoạch kỹ thuật, phòng tổ chức hành chính xây dựng giá thành sản phẩm nước sạch hàng năm trình các ngành và UBND tỉnh quyết định.

g. Ban quản lý dự án

- Là đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu, đề xuất giúp Chủ đầu tư thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.
- Kết hợp với phòng Kinh tế kế hoạch kỹ thuật xây dựng kế hoạch đầu tư của Công ty. Xây dựng kế hoạch đầu tư theo quý, năm trình Chủ tịch công ty phê duyệt.
- Thực hiện nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao và quyền hạn do Chủ đầu tư uỷ quyền. Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ được giao và quyền hạn được uỷ quyền. Thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của Nhà

nước về ĐTXD cơ bản.

- Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, xin cấp giấy phép xây dựng (nếu cần) chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình.
- Lập hồ sơ mời dự thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu khi có quyết định của Chủ đầu tư.
- Chủ đầu tư uỷ quyền cho trưởng Ban quản lý dự án đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công, tiến độ thực hiện xây dựng công trình đã có đủ điều kiện hoặc khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng đã ký kết. Thực hiện thanh toán giai đoạn hoàn thành và tổng quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đã hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
- Kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận khối lượng hoàn thành, khối lượng phát sinh và làm các thủ tục thanh toán. Tổ chức giám định chất lượng xây dựng, nghiệm thu và bàn giao công trình hoàn thành cho các tổ chức, đơn vị quản lý để đưa vào khai thác, sử dụng.
- Lập kế hoạch trình UBND tỉnh bố trí vốn. Công khai, phân khai chi tiết vốn theo năm kế hoạch.
- Thực hiện việc quản lý vốn, thu, chi, kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án cho cán bộ, nhân viên tham gia trực tiếp trong biên chế và hoạt động kiêm nhiệm hoặc hoạt động quản lý theo đúng quy định và chế độ hiện hành, công khai minh bạch.
- Được đề nghị Chủ đầu tư để đình chỉ các công việc xây dựng nếu chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật, không đảm bảo an toàn và không đảm bảo yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Báo cáo Chủ đầu tư kịp thời nếu xét thấy bên nhận thầu làm không đúng hoặc không đạt yêu cầu theo quy định của công tác nghiệm thu; đề xuất, kiến nghị xử lý theo đúng luật định.

h. Các xí nghiệp kinh doanh nước sạch

- Các xí nghiệp kinh doanh nước sạch là đơn vị trực thuộc công ty, nằm trên đại bàn 8 huyện lỵ và thành phố Lào Cai, có trách nhiệm quản lý, vận hành, sản xuất và kinh doanh phân phối sản phẩm nước theo kế hoạch của công ty. Đồng thời được thi công xây lắp các công trình phù hợp với năng lực của đơn vị mình và theo kế hoạch của công ty.
- Quản lý cơ sở vật chất, quản lý nhân lực, quản lý và kinh doanh nước sạch.
- Vận hành thành thạo các trang thiết bị kỹ thuật trên tuyến đảm bảo cấp và phân phối nước an toàn, thường xuyên, liên tục, ổn định trong phạm vi quản lý.
- Nắm vững điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn nơi tuyến ống cấp nước đi qua, kết cấu neo giữ ống và các thiết bị trên tuyến mạng, cấu tạo vật liệu ống và thiết bị, chất lượng hiện trạng cũng như các điều kiện của môi trường có thể tác động để có biện pháp ngăn ngừa và xử lý kịp thời khi có sự cố trên tuyến.
- Nắm vững và thực hiện đúng nguyên lý kỹ thuật và qui trình lắp đặt mở rộng tuyến mạng và lắp đặt đến các hộ sử dụng theo thiết kế, hướng dẫn của phòng Kinh tế kế hoạch kỹ thuật và những qui định của Nhà nước.
- Có biện pháp chống thất thu, thất thoát nước để nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty

Các tổ chức đoàn thể:

Tổ chức Đảng: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai có 01 Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ khối doanh nghiệp tỉnh Lào Cai, gồm 5 chi bộ với tổng số Đảng viên là 97 đảng viên.

Tổ chức Công đoàn: Công ty TNHH Kinh doanh nước sạch Lào Cai có 01 Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn ngành Xây dựng Lào Cai, gồm có 4 Công đoàn bộ phận và 4 tổ công đoàn trực thuộc, với tổng số công đoàn viên là 333 đoàn viên.

Tổ chức Đoàn TNCS HCM: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai có 01 Đoàn cơ sở trực thuộc Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh Lào Cai, gồm 12 chi đoàn trực thuộc với tổng số đoàn viên là 150 đoàn viên.

Hội cựu chiến binh: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai có 30 hội viên, trực thuộc hội Cựu chiến binh khối doanh nghiệp tỉnh Lào Cai.

Hội chữ thập đỏ: Hội chữ thập đỏ cơ sở Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai có 333 hội viên. Trục thuộc Hội chữ thập đỏ khối doanh nghiệp tỉnh Lào Cai.

6. Tổng số lao động của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Bảng 1: Cơ cấu lao động của Công ty tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

TT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	329	100
1	Trình độ đại học và trên đại học	85	25,8
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	102	31
3	Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	142	43,2
4	Chưa qua đào tạo	0	0
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	329	100
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	05	1,52
2	Lao động hợp đồng dài hạn (không xác định thời hạn)	258	78,42
3	Hợp đồng có xác định thời hạn	66	20,06
4	Lao động hợp đồng thời vụ	0	0
III	Phân loại theo giới tính	329	100
1	Nam	224	68,09
2	Nữ	105	31,91

Nguồn: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty có người 04 lao động không bố trí được việc làm. Cụ thể:

- Lao động dôi dư tuyển dụng trước 21/04/1998, chấm dứt HĐLĐ: 4 người, với số tiền được hưởng theo quy định là: 271.233.140 đồng.
- Nguồn kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư được lấy từ nguồn thu từ bán cổ phần.

7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai.

➤ Tổng giá trị thực tế của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai tại

thời điểm ngày 31/12/2014 là 285.508.256.739 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi lăm tỷ, năm trăm linh tám triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng*).

- Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai để cổ phần hoá là 153.804.610.715 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba tỷ, tám trăm linh bốn triệu, sáu trăm mười nghìn, bảy trăm mười lăm đồng*).

- Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp

Tài sản không cần dùng, chờ thanh lý: 1.567.630.810 đồng

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Bảng 2: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	271.583.929.220	285.508.256.739	13.924.327.519
I	Tài sản dài hạn	224.802.631.951	238.726.959.470	13.924.327.519
1	Tài sản cố định	198.284.142.849	211.791.752.368	13.507.609.519
-	TSCĐ hữu hình	198.284.142.849	211.791.752.368	13.507.609.519
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>33.692.608.721</i>	<i>43.762.920.203</i>	<i>10.070.311.482</i>
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>164.150.374.861</i>	<i>167.324.195.165</i>	<i>3.173.820.304</i>
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>441.159.267</i>	<i>704.637.000</i>	<i>263.477.733</i>
-	TSCĐ vô hình	-	-	-
2	Các khoản ĐTTC dài hạn	400.000.000	792.260.000	392.260.000
-	<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>400.000.000</i>	<i>792.260.000</i>	<i>392.260.000</i>
3	Chi phí XDCB dở dang	24.291.856.376	24.291.856.376	
4	Tài sản dài hạn khác	1.826.632.726	1.851.090.726	24.458.000
II	Tài sản ngắn hạn	46.781.297.269	46.781.297.269	-
1	Tiền	3.142.680.879	3.142.680.879	-
-	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>1.644.517.100</i>	<i>1.644.517.100</i>	-
-	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>1.498.163.779</i>	<i>1.498.163.779</i>	-
-	<i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2	Các khoản phải thu	28.633.342.046	28.633.342.046	-
3	Hàng tồn kho	2.743.730.087	2.743.730.087	-

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4	Tài sản ngắn hạn khác	12.261.544.257	12.261.544.257	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	1.567.630.810	1.567.630.810	-
I	Tài sản cố định	1.567.630.810	1.567.630.810	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D	TS HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	-	-	-
E	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D) Trong đó:	273.151.560.030	287.075.887.549	13.924.327.519
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	271.583.929.220	285.508.257.549	13.924.327.519
E1	Nợ thực tế phải trả	130.744.698.535	130.744.698.535	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	958.947.489	958.947.489	-
G	GIÁ TRỊ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP[A-(E1 + E2)]	139.880.283.196	153.804.610.715	13.924.327.519

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tài sản cố định và tài sản lưu động của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Bảng 3: Tài sản cố định của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	318.745.951	198.284.143	324.094.007	211.791.752	5.348.056	13.507.609
1	Nhà, vật kiến trúc	67.064.180	33.371.572	71.515.563	43.762.920	4.451.383	10.070.311
2	Máy móc thiết bị	250.133.925	85.983.551	251.030.599	167.324.195	896.673	3.173.820
3	Phương tiện vận tải	1.547.845	1.106.685	1.547.845	704.637	-	263.478

TT	Khoản mục	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
B	TSCĐ KHÔNG CẢN DÙNG	5.806.838	1.567.631	5.806.838	1.567.631	-	-
1	Nhà, vật kiến trúc	1.565.329	493.218	1.565.329	493.218	-	-
2	Máy móc, thiết bị	4.241.508	1.074.413	4.241.508	1.074.413	-	-
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	-	-	-	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	324.552.788	199.851.774	329.900.844	213.359.383	5.348.056	13.507.609

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Bảng 4: Tài sản lưu động của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.142.680.879	3.142.680.879	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.633.342.046	28.633.342.046	-
Hàng tồn kho	2.743.730.087	2.743.730.087	-
Tài sản ngắn hạn khác	12.261.544.257	12.261.544.257	-
Tổng cộng	46.781.297.269	46.781.297.269	-

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

8.2. Diện tích đất Công ty quản lý và sử dụng trước khi chuyển sang Công ty cổ phần

Bảng 5: Tình hình đất đai của Công ty

Stt	Địa điểm sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng đất		Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa		Ghi chú
				Hình thức	Mục đích sử dụng đất	Hình thức	Mục đích sử dụng đất	
I		CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN XỬ DỤNG ĐẤT	68.341,9					
1	Nhà máy nước đôi 117, phường Lào Cai, TP. Lào Cai	GCN quyền SDD số BB 021516	27.109,9	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng NMN Lào Cai và trồng cây xanh bảo vệ	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng NMN Lào Cai và trồng cây xanh bảo vệ	
2	Số 037 Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, TP. Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số BB 021517; Hợp đồng thuê đất số: 110/HĐTĐ, ngày 30/06/2011, thuê đến ngày 19/06/2042	8.490	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây trụ sở công ty	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây trụ sở công ty	
3	Tổ 4, phường Kim Tân, TP. Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 995595, hợp đồng thuê đất số: 17/HĐTĐ, ngày 14/03/2008 thuê từ năm 2006 - 2058	1.353,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây trụ sở công ty	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây trụ sở công ty	
4	Tổ 36, phường Pom Hán, TP. Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số AD 946767; Hợp đồng thuê đất số: 149/HĐTĐ, ngày 24/01/2006, thuê từ năm 2006 - 2030	826,9	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng hệ thống cấp nước	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng hệ thống cấp nước	
5	Nhà máy nước Cam Đường, khu H, tổ 34, phường Pom	Giấy chứng nhận QSDĐ số BB 021601; Hợp đồng thuê đất số: 107/HĐTĐ, ngày 30/06/2011, thuê	1.183,3	Thuê đất trả tiền	Xây dựng nhà máy	Thuê đất trả tiền	Xây dựng nhà máy	

	Hán, TP Lào Cai	đến ngày 19/06/2042		hàng năm	khu xử lý nước	hàng năm	khu xử lý nước	
6	Đồi Yên Ngựa tổ 8 phường Pom Hán, TP Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số BB 021502; Hợp đồng thuê đất số: 114/HĐTĐ, ngày 30/06/2011, thuê đến ngày 19/06/2042	157,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể chứa áp lực	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể chứa áp lực	
7	Tổ 36 phường Pom Hán, TP Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số BB 021514; Hợp đồng thuê đất số: 102/HĐTĐ, ngày 06/12/2010, thuê đến ngày 19/06/2042	826,9	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm nước ngầm	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm nước ngầm	
8	Tổ 4, đường Hoàng Quốc Việt, Phường Bắc Lệnh, TP Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số BB 021512; Hợp đồng thuê đất số: 109/HĐTĐ, ngày 30/06/2011, thuê đến ngày 19/06/2042	2.275	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trụ sở làm việc và khu xử lý nước sạch	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trụ sở làm việc và khu xử lý nước sạch	
9	Nhà máy nước thị trấn Sa Pa - Đồi Quan 6 , tổ 10, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số BB 021179; Hợp đồng thuê đất số: 102/HĐTĐ, ngày 06/12/2010, thuê đến ngày 19/06/2042	5.396,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà máy nước	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà máy nước	
10	Thôn Sán Chải, xã Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021185; Hợp đồng thuê đất số: 105.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042	93,2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể tăng áp	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể tăng áp	
11	Trụ sở làm việc - Thôn Mã Tuyển, xã	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021183; Hợp đồng thuê đất số:	1.389,8	Thuê đất	Xây dựng văn phòng	Thuê đất	Xây dựng văn phòng	

	Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	104.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042		trả tiền hàng năm	làm việc	trả tiền hàng năm	làm việc	
12	Thôn Ngâm A, xã Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận QSDĐ số BB 021178; Hợp đồng thuê đất số: 103/HĐTĐ, ngày 30/06/2011, thuê đến ngày 19/06/2042	2.764,2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây khu xử lý nước sạch	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây khu xử lý nước sạch	
13	Trụ sở làm việc- Thôn Phố cũ, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021849; Hợp đồng thuê đất số: 11.HĐTĐ. ngày 20.3.2012. thuê đến ngày 19.6.2042	2.548,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trụ sở làm việc và khu xử lý nước	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trụ sở làm việc và khu xử lý nước	
14	Thôn Phố cũ, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021524; Hợp đồng thuê đất số: 106.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042	85,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể áp lực	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể áp lực	
15	Trụ sở làm việc- tổ 2A, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021173; Hợp đồng thuê đất số: 100.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042	1.237,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trụ sở làm việc và khu xử lý	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trụ sở làm việc và khu xử lý	
16	Trụ sở làm việc - Tổ 6 thị trấn Khánh Yên huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021181; Hợp đồng thuê đất số: 99.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042	640,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	XD trụ sở làm việc và khu xử lý	Thuê đất trả tiền hàng năm	XD trụ sở làm việc và khu xử lý	
17	Thôn Bản Chiêu, xã Khánh Yên Thượng,	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021182; Hợp đồng thuê đất số:		Thuê đất	Xây dựng	Thuê đất	Xây dựng	

	huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	98.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042	2.342,8	trả tiền hàng năm	khu xử lý	trả tiền hàng năm	khu xử lý	
18	Tổ 2A thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021180; Hợp đồng thuê đất số: 102.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042	140,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm cấp I	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm cấp I	
19	Tổ 2A thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021174; Hợp đồng thuê đất số: 101.HĐTĐ. ngày 30.6.2011. thuê đến ngày 19.6.2042	912,6	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể áp lực	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể áp lực	
20	Thôn Bản Vai. xã Bản Qua. huyện Bát Xát. tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021172; Hợp đồng thuê đất số: 62.HĐTĐ. ngày 12 .6.2012. thuê đến ngày 19.6.2042	2.526,6	Thuê đất trả tiền hàng năm	XD trụ sở làm việc và khu xử lý nước sạch	Thuê đất trả tiền hàng năm	XD trụ sở làm việc và khu xử lý nước sạch	
21	Thôn Bắc Hà 4, thị trấn Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021175; Hợp đồng thuê đất số: 09.HĐTĐ. ngày 20 .3.2012. thuê đến ngày 19.6.2042	222,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể tăng áp 400m3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể tăng áp 400m3	
22	Thôn Di Thành, xã Thái Giàng Phố và thôn Lử Chồ 2, xã Lầu Thí Ngài, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021531; Hợp đồng thuê đất số: 10.HĐTĐ. ngày 20.3.2012. thuê đến ngày 19.6.2042	2.155,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng khu xử lý nước sạch	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng khu xử lý nước sạch	
23	Nhà máy nước huyện Bảo Thắng: Thôn Phú Cường 1,	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 021523; Hợp đồng thuê đất số: 112.HĐTĐ. ngày 30 .6.2011. thuê đến	3.604,2	Thuê đất trả tiền	Xây dựng văn phòng	Thuê đất trả tiền	Xây dựng văn phòng	

	thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	ngày 19.6.2042			hàng năm	làm việc và khu xử lý nước sạch	hàng năm	làm việc và khu xử lý nước sạch	
II	ĐANG SỬ DỤNG – CHƯA CÓ GCNQSD ĐẤT. QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN		40.220,0						
1	Thôn Nam Hải, xã Sơn Hải, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng	Thông báo số: 43.TB-SXD. ngày 29.3.2011 về việc giới thiệu địa điểm đất; Biên bản thống nhất vị trí địa điểm đầu tư xây dựng	23.000			Mở rộng HTCN (Xây dựng khu xử lý nước sạch)	Thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng HTCN (Xây dựng khu xử lý nước sạch)	
2	Nhà máy nước thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Thông báo số: 119.TB-SXD. ngày 14.7.2011 về việc giới thiệu địa điểm đất.	5.945			XD hành điều hành và trạm bơm chuyển tiếp	Thuê đất trả tiền hàng năm	XD hành điều hành và trạm bơm chuyển tiếp	
3	Thôn Tà Thàng, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Thông báo số: 118.TB-SXD. ngày 08.2.2012 về việc giới thiệu địa điểm đất	1.913			Xây dựng trạm bơm cấp 1	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm cấp 1	
4	Trụ sở làm việc nhà máy nước huyện Bắc Hà	Thông báo số: 233.TB-SXD. ngày 22.11.2010 về việc giới thiệu địa điểm đất	380			Xây dựng văn phòng làm việc	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng văn phòng làm việc	

5	Phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai		886		Xây dựng trạm bơm tăng áp	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm tăng áp	
6	Đồi Nhạc Sơn, phường Kim Tân, TP Lào Cai	Thông báo số: 178.TB-SXD. ngày 27.12.2012 về việc giới thiệu địa điểm đất	7.396		Xây dựng HTCN Cốc San giai đoạn II	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng HTCN Cốc San giai đoạn II	
7	Hệ thống cấp nước huyện Si Ma Cai		700		Xây bể 50m ³ + Trạm bơm tăng áp	Thuê đất trả tiền hàng năm	Xây bể 50m ³ + Trạm bơm tăng áp	

Nguồn: Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

8.3 Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

a. Đối với nguồn vốn Nhà nước cấp để thực hiện dự án chưa được đưa vào để xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014.

Hiện tại, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai có một số công trình cấp nước đã hoàn thiện, đưa vào sử dụng và được nghiệm thu, quyết toán giá trị công trình, có một số công trình đang trong quá trình triển khai. Các dự án này có nguồn vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay, vốn khấu hao và nguồn vốn ngân sách nhà nước với tổng mức đầu tư 109,677 tỷ đồng (Có phụ đính kèm). Trong đó:

- Giá trị các công trình đã được quyết toán sau thời điểm 31/12/2014: 56.602.763.000 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Vốn ngân sách nhà nước cấp đã đưa vào khi xác định giá trị doanh nghiệp là 36.699.385.550 tỷ đồng.
 - + Vốn ngân sách nhà nước cấp chưa đưa vào khi xác định giá trị doanh nghiệp là 9.301.870.700 tỷ đồng.
- Giá trị dự kiến các công trình chưa được nghiệm thu, quyết toán đang triển khai sau thời điểm 31/12/2014 và thời điểm Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ năm 2016 là: 53,075 tỷ đồng. Trong đó, dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp (hoặc giao tài sản) để thực hiện các dự án là 17,229 tỷ đồng.

Như vậy, phần vốn nhà nước còn lại trong các dự án nêu trên ước tính còn khoảng 26,531 tỷ đồng chưa tính toán đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước khi cổ phần hoá tại thời điểm 31/12/2014 do các dự án chưa hoàn thành, chưa có biên bản nghiệm thu, quyết toán giá trị công trình.

Các nội dung đề xuất trên sẽ được đưa vào quy định khi thỏa thuận bán cổ phần cho các đối tác chiến lược, khi bán cổ phần lần đầu cho các nhà đầu tư và thông qua ngay tại kỳ Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty cổ phần. Sau khi hoàn thành quyết toán và tăng vốn Nhà nước, Nhà nước sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn để nắm giữ cổ phần tại Công ty cổ phần theo phương án đã được phê duyệt và việc thoái vốn sẽ ưu tiên bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ.

b. Tài sản không cần dùng, hư hỏng chờ thanh lý có giá trị còn lại là: 1.567.630.810 đồng. Công ty sẽ tiến hành thủ tục thanh lý, xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

c. Bàn giao lại các tài sản sau cho cơ quan nhà đất của địa phương để quản lý: không

d. Bàn giao các tài sản sau cho tổ chức công đoàn của Công ty cổ phần quản lý, sử dụng: Không

e. Tồn tại khác: Không

9. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết

9.1 Công ty mẹ: Không có

9.2 Các công ty con: Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai

10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

a) Giá trị bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu 03 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

Doanh thu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng năm 2015	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.440.440	98,80	87.489.732	99,60	100.803.077	97,08	52.587.058	99,63
Doanh thu hoạt động tài chính	44.737	0,05	90.884	0,10	2.690.470	2,59	114.244	0,22
Thu nhập khác	970.211	1,15	263.933	0,30	338.906	0,33	79.218	0,15
Tổng cộng	84.455.388	100	87.844.549	100	103.832.453	100	52.780.520	100

Nguồn: BCTC tự lập năm 2012, 2013, 2014 và 6 tháng năm 2015 của Công ty TNHH MTV

Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Theo bảng trên, nguồn doanh thu chính của Công ty đến từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong giai đoạn 2012-2015, doanh thu từ hoạt động này chiếm khoảng từ 97 - 99% tổng doanh thu. Doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm khoảng từ 0,22 – 2,59% tổng doanh thu. Còn lại thu nhập khác chiếm khoảng từ 0,15 – 0,33% tổng doanh thu của

Công ty.

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đang trên đà phát triển ổn định, thể hiện ở tổng doanh thu tăng đều từ 84,4 tỷ đồng năm 2012 lên 87,8 tỷ đồng năm 2013 và đạt 103,8 tỷ đồng năm 2014. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu đạt hơn 52,7 tỷ đồng đạt khoảng 50,83% so với năm 2014.

Bảng 7: Lợi nhuận của Công ty 03 năm trước khi cổ phần hóa

Đơn vị: 1.000 đồng

Lợi nhuận	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT (%)
Lợi nhuận gộp	16.809.798	20,15	20.023.111	22,89	19.393.291	19,23	11.161.088	21,22
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.182.591	3,81	7.394.480	8,45	7.466.859	7,41	5.104.589	9,71
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.645.281	3,18	6.497.758	7,43	6.669.681	6,62	5.104.589	9,71

Nguồn: BCTC tự lập năm 2012, 2013, 2014 và 6 tháng năm 2015 của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Lợi nhuận gộp của công ty tăng dần qua các năm, từ 16,8 tỷ năm 2012 tăng lên hơn 20 tỷ năm 2013. 6 tháng đầu năm 2015, lợi nhuận gộp của công ty là 11,1 tỷ đồng bằng 57,55% lợi nhuận gộp năm 2014

Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng mạnh qua các năm. Năm 2012, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt gần 2,6 tỷ đồng, tuy nhiên đến năm 2013, lợi nhuận sau thuế đã tăng lên mức 6,49 tỷ đồng, gấp hơn 2,4 lần so với năm 2012. 6 tháng đầu năm 2015, lợi nhuận sau thuế vẫn tiếp tục tăng mạnh, đạt hơn 5,1 tỷ đồng, bằng 76,53% so với năm 2014. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang ngày càng phát triển, có nhiều tiềm năng hơn nữa trong tương lai.

b) Nguyên vật liệu

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là nước tự nhiên (nước thô), điện, hóa chất ... Đối với hoạt động xây lắp các công trình cấp thoát nước, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là vật tư đường ống, phụ kiện lắp đặt đường ống, đồng hồ đo nước, xi măng, sắt thép, đá xây dựng...

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá phổ biến nên Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trải qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã xác lập các quan hệ bạn hàng với các đối tác cung cấp uy tín và đảm bảo chất lượng nên nguồn cung nguyên vật liệu thường xuyên đảm bảo sản xuất kinh doanh.

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong những năm qua do nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng chung của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục theo giá điện, xăng dầu; giá hàng hóa dịch vụ tăng cao cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

c) Chi phí sản xuất

Bảng 8: Cơ cấu chi phí của Công ty trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Đơn vị: 1.000 đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng năm 2015	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Giá vốn hàng bán	66.630.641	81.98	67.466.620	83.86	81.409.786	84.48	41.425.969	86.89
Chi phí tài chính	9.569.743	11.77	6.047.062	7.52	5.927.566	6.15	2.615.873	5.49
Chi phí bán hàng	21.433	0.03	-	0.00	-	0.00	-	0.00
Chi phí QLDN	5.050.979	6.21	6.906.063	8.58	9.021.309	9.36	3.584.297	7.52
Chi phí khác	-	0.00	30.325	0.04	6.933	0.01	49.791	0.10
Tổng cộng	81.272.796	100	80.450.070	100	96.365.594	100	47.675.930	100

Nguồn: BCTC tự lập năm 2012, 2013, 2014 và 6 tháng năm 2015 của Công ty TNHH MTV

Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động

giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong những năm qua do nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng chung của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục theo giá điện, xăng dầu; giá hàng hóa dịch vụ tăng cao cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Giá vốn hàng bán biến động tương ứng tăng dần với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm, tỷ trọng so với doanh thu tương đối ổn định. Chi phí tài chính giảm dần qua các năm chủ yếu do Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ năm 2012 cao, dẫn đến chi phí tài chính cao (khoản lãi vay ODA - Dự án cấp nước Lào Cai giai đoạn II). Chi phí lãi vay ngắn hạn, dài hạn, giảm dần qua các năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 do sự điều tiết của Nhà nước về lãi suất tiền vay trong nước.

d) Tình hình công nợ của công ty

Bảng 9: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013 (*)	31/12/2014	30/06/2015
1. Các khoản phải thu				
Các khoản phải thu ngắn hạn	70.290.932.443	18.560.411.210	28.633.342.046	40.975.491.646
- Phải thu của khách hàng	5.461.865.440	9.451.175.167	14.998.869.811	16.461.814.088
- Trả trước cho người bán	42.483.030.212	6.286.083.507	9.691.840.982	17.547.950.696
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.187.610.623	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	21.158.426.168	2.823.152.536	3.942.631.253	6.965.726.862
Các khoản phải thu dài hạn	1.637.356.500	-	-	-
- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	1.637.356.500	-	-	-
2. Các khoản phải trả	82.952.468.891	106.097.989.730	130.744.698.535	123.841.698.187
Nợ ngắn hạn	17.081.682.685	32.600.151.536	40.437.971.059	33.111.700.810
- Phải trả cho người bán	9.109.730.578	17.622.904.318	13.651.911.007	11.511.106.587
- Người mua trả tiền trước	1.642.833.000	2.151.037.000	3.702.213.567	1.150.000.000
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(4.816.380.478)	683.130.640	426.379.038	560.973.342
- Phải trả người lao động	451.716.100	-	1.203.800.000	256.800.000
- Phải trả nội bộ	198.695.300	13.527.000	-	-

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013 (*)	31/12/2014	30/06/2015
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.099.921.111	8.445.935.679	15.593.723.852	14.118.565.286
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.395.167.074	3.683.616.899	5.859.943.595	5.514.255.595
Nợ dài hạn	65.870.786.206	73.497.838.194	90.306.727.476	90.729.997.377
- Vay và nợ dài hạn	65.870.786.206	73.497.838.194	90.306/727.476	90.729.997.377

Nguồn: BCTC tự lập năm 2012, 2013, 2014 và 6 tháng năm 2015 của Công ty TNHH MTV

Kinh doanh nước sạch Lào Cai

() Số liệu về các khoản phải thu, các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2013, doanh nghiệp sẽ lấy theo số đầu năm tại BCTC 2014 đã được điều chỉnh theo biên bản – kết luận kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh Lào Cai và biên bản kiểm tra của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai. Nguyên nhân là do số liệu về các khoản phải thu, các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2013 trong BCTC tự lập năm 2013 có một số sai sót về kỹ thuật.*

e) Trình độ công nghệ

So với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ khá. Hầu hết các nhà máy sản xuất nước của Công ty đều đã được lắp đặt công nghệ xử lý nước tiên tiến, thiết bị đồng bộ, tự động của Pháp, Mỹ; sử dụng công nghệ xử lý nước tiên tiến như: Sử dụng PAC thay phèn nhôm, sử dụng Soda thay vôi, sử dụng chất trợ lắng Polimer, than Antrasite để nâng cao hiệu suất lắng lọc, xử lý than hoạt tính để hấp thụ mùi, màu và độc chất trong nước.

Bể lắng lọc tải trọng cao với hệ thống thu hồi nước rửa lọc và xử lý bùn khép kín, thân thiện với môi trường. Sản xuất nước Javel điện phân từ muối ăn thay cho Clo lỏng nhằm chủ động và an toàn trong sản xuất. Ứng dụng công nghệ biến tần và khởi động mềm tiết kiệm điện năng.

f) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty luôn chú trọng công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, đảm bảo luôn cung cấp sản phẩm tốt nhất cho khách hàng. Hiện nay, Công ty đang quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn 1329/2002/BYT/QĐ của Bộ Y tế. Trước khi đến hộ tiêu dùng, nước luôn được giám sát chặt chẽ theo sơ đồ quản lý chất lượng nước dưới đây:

Nước sạch là sản phẩm đặc thù, rất quan trọng đến nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh

doanh, nên có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội của người dân. Vì vậy, Công ty có bộ phận chuyên trách, thường xuyên kiểm tra chất lượng nước tại các nhà máy xử lý đến vòi sử dụng của khách hàng, để hướng dẫn, điều chỉnh định lượng hóa chất xử lý phù hợp. Việc kiểm tra chất lượng nước sạch còn được Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh định kỳ kiểm tra lấy mẫu và giám sát theo quy định của Bộ Y tế. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm thực hiện theo quy định tại QC01:2009/BYT, Ban hành theo Thông tư số: 04/2009/TT - BHYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Khi có biến động bất thường về nguồn nước, bộ phận hóa nghiệm sẽ phối hợp với các nhà máy kiểm tra, điều chỉnh lượng hóa chất phù hợp trực tiếp tại các ca trực sản xuất.

g) Hoạt động Marketing

Do đặc thù sản phẩm, hoạt động Marketing của Công ty chưa được chú trọng và đẩy mạnh. Công ty chỉ giới thiệu sản phẩm và hoạt động của mình qua một số tờ báo ngành và địa phương như: Tạp chí Cấp thoát nước Việt Nam và Báo Lào Cai...

h) Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của công ty:



i) Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Công ty có các hợp đồng cung cấp nước sạch cho một số khách hàng lớn:

Bảng 10: Các hợp đồng Công ty đang thực hiện

Stt	Tên khách hàng	Trị giá (đồng)	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực hợp tác/ dịch vụ
1	Công ty cổ phần Liên Sơn Lào Cai	Theo nhu cầu nước	Dài hạn	Cung cấp nước sạch
2	Công ty TNHH liên doanh khách sạn quốc tế			

	Lào Cai	hàng tháng		
3	Công ty TNHH đầu tư XD Quốc Hưng			
4	Công ty cổ phần An Phú Hưng			
5	Công ty TNHH MTV khách sạn VICTORIA			
6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai			
7	Trường cao đẳng sư phạm Lào Cai			
8	Trường cao đẳng nghề Lào Cai			
9	Công ty luyện đồng Lào Cai			
10	Công ty cổ phần Phốt pho vàng Lào Cai			
11	Công ty TNHH Đông Nam Á Lào Cai			
12	Công ty hóa chất Phúc Lâm			
13	Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung			
14	Công cổ phần hóa chất phân bón Lào Cai			
15	Công ty cổ phần Nam Tiến Lào Cai			

Nguồn: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng 11: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
1	Tổng tài sản	183.050.279	212.530.363	273.151.560	275.899.596
2	Vốn nhà nước theo sổ kế toán	100.097.810	106.871.478	142.406.861	152.057.898
3	Nợ ngắn hạn	17.081.683	32.161.047	40.437.971	33.111.701
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
4	Nợ dài hạn	65.870.786	73.497.838	90.306.727	90.729.997
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
5	Nợ phải thu khó đòi	-	-	-	-
6	Tổng số lao động (người)	261	265	326	
7	Tổng quỹ lương thực hiện	14.939.740	18.669.980	22.940.710	9.546.783
8	Thu nhập bình quân người/tháng	4.800	6.200	7.400	7.800
9	Tổng doanh thu	84.455.388	87.844.549	103.832.453	52.780.520
10	Tổng chi phí	81.272.796	80.450.070	96.365.594	47.675.930
11	Lợi nhuận trước thuế	3.182.592	7.394.480	7.466.859	5.104.590
12	Lợi nhuận sau thuế	2.645.282	6.497.758	6.669.682	5.104.590
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước	2,64	6,08	4,68	3,36

Nguồn: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

10.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Thuận lợi:

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của UBND tỉnh Lào Cai, các Sở, ngành và chính quyền địa phương các cấp.
- Là doanh nghiệp chuyên ngành duy nhất trong lĩnh vực sản xuất và cấp nước sinh hoạt trên địa toàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP. Với trên 20 năm xây dựng và phát triển chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước thiết kế, xây dựng nhà máy

nước, lắp đặt thi công hệ thống cấp nước, thoát nước Công ty luôn đặt mục tiêu quan trọng nhất đó là phục vụ đáp ứng đảm bảo bảo nhu cầu sử dụng nước của nhân dân an toàn, ổn định.

- Có đội ngũ cán bộ hùng hậu được đào tạo bài bản có trình độ đại học và trên đại học và gắn bó với sự phát triển của công ty.
- Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty và các đơn vị thành viên đã xây dựng, củng cố uy tín trên thị trường được khách hàng tín nhiệm. Chất lượng sản phẩm các công trình tốt, đảm bảo vận hành cấp nước an toàn, ổn định 24/24h.
- Có cơ hội làm việc với các đối tác nước ngoài thông qua các dự án có vốn vay ODA của các nước như Nhật Bản (JICA), Pháp (AFD), Ngân hàng thế giới (WB). Được Nhà nước hỗ trợ bằng các biện pháp như hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng (Dự án cấp nước Cốc San GD I); Vay lãi suất 0% đối với tiểu hợp phần cấp nước Sa Pa (vốn AFD); ưu đãi về thuế đối với dự án đầu tư trên địa bàn thuộc khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Khó khăn:

- Việc điều chỉnh giá bán nước sạch còn chưa hợp lý với chi phí sản xuất, giá bán chưa có lãi, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Sự biến động mạnh của giá nguyên vật liệu, lãi suất cho vay, tỷ giá ngoại tệ trong các năm qua làm ảnh hưởng lớn tới lợi nhuận của Công ty. Sự thay đổi liên tục chính sách về Thuế, văn bản hướng dẫn quá nhiều dẫn đến việc cập nhật của Công ty chưa được kịp thời.
- Một số dự án chưa triển khai được theo kế hoạch trong khi các nguồn lực đã được huy động và đầu tư một phần vào dự án.
- Vốn chủ sở hữu đang sử dụng phần lớn cho đầu tư tài sản dài hạn và chỉ đáp ứng một phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh do thiếu hụt nguồn vốn chủ sở hữu làm vốn đối ứng nói riêng và thiếu hụt nguồn vốn dài hạn nói chung. Vì vậy, nhu cầu vốn để đầu tư các dự án lớn trong tương lai đối với công ty là rất khó khăn

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

11.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Do đặc thù của ngành cung cấp nước sạch, mỗi doanh nghiệp cung cấp nước sạch hoạt động trong một phạm vi địa lý nhất định. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai là đơn vị duy nhất thực hiện cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tại địa bàn hoạt động này, Công ty không có đối thủ cạnh tranh trực tiếp.

11.2 Triển vọng phát triển ngành

Nước sạch là mặt hàng quan trọng, thiết yếu đối với toàn xã hội. Khi nền kinh tế phát triển, tốc độ đô thị hóa cao, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng. Hơn nữa nguồn nước ngầm, nước mặt ngày càng cạn kiệt và trở nên ô nhiễm, khi đó nhu cầu sử dụng nước trong tự nhiên được thay thế bởi các nguồn nước sạch do công ty cấp nước cung cấp. Tuy nhiên ở Việt Nam hiện nay, ngành công nghiệp nước và vệ sinh môi trường chưa đáp ứng được nhu cầu trước thực trạng tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa cao. Tỷ lệ cung cấp nước tại các đô thị còn thấp, mới được 81%; tỷ lệ thất thoát, thất thu còn lớn, khoảng 26%. Tỷ lệ nước thải qua các trạm xử lý tập trung mới đạt 11%. Nước thải chưa được xử lý thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm nghiêm trọng. Chính vì vậy, lĩnh vực cung cấp nước sạch luôn là lĩnh vực được Chính phủ, các tổ chức và toàn xã hội đặc biệt quan tâm với rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội.

Nước sạch là loại hàng hóa mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm làm ra được người dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho Công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Do công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và các tổ chức trong xã hội nên chất lượng phục vụ luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Chất lượng phục vụ của các hoạt động công ích của Công ty ngày càng được nâng cao nên được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

11.3 Đánh giá chung về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1929), mục tiêu đạt được đến năm 2025 là đáp ứng 100% nhu cầu dùng

nước, định mức sử dụng nước là 120 lít/người/ngày và giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống còn 15% (từ mức bình quân 25%-30% vào năm 2015).

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai theo quy định cấp nước và định hướng phát triển ngành theo Quyết định 1929, Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của tỉnh. Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Lào Cai đến năm 2020, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

12.1. Một số thông tin chủ yếu của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

a. Mục tiêu

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

b. Hình thức cổ phần hoá

Theo quy định tại Mục 2, Điều 4, Chương I, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa “**Bán một phần vốn nhà nước**

hiện có tại doanh nghiệp”.

c. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hoá

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
- Tên tiếng anh: LAO CAI WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: Công ty Cấp nước Lào Cai
- Trụ sở chính : Số nhà 037 đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại : (020) 3830224 Fax: (020) 3830224

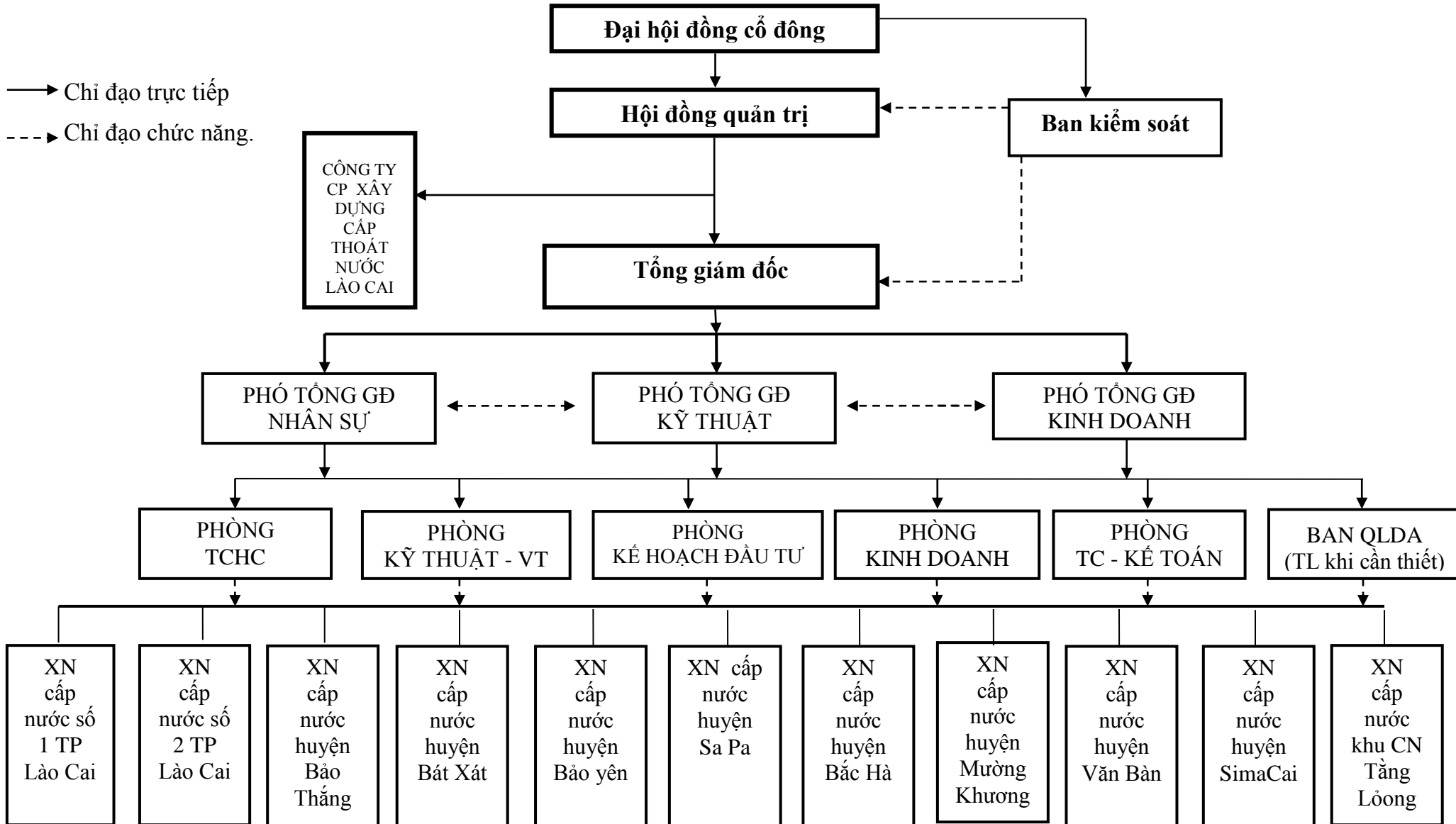
d. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hoá

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
2	Lắp đặt, xây dựng các công trình cấp thoát nước.	43221
3	Xây dựng các công trình điện năng có cấp điện áp đến 35kv.	43210
4	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông trong mặt bằng xây dựng.	42990;431
5	Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước.	46591
6	Kinh doanh, nhập khẩu hóa chất ; Nhập khẩu vật tư máy và thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư thiết bị điện tử.	46692
7	Sản xuất nước lọc tinh khiết đóng chai, bình.	11041
8	Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế công trình cấp thoát nước.	74100
9	Quản lý dự án, Giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.	71109
10	Kiểm nghiệm chất lượng nước, dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh đường kính đến ϕ 25.	71200

e. Sơ đồ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần

Dự kiến mô hình tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa như sau: (Trang sau)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, quyết định sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty giữa 02 kỳ đại hội, bao gồm 05 thành viên. Trong đó có 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 03 Ủy viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể: Chịu trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ; Trình ĐHĐCĐ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức; Xem xét các phương án sản xuất kinh doanh, huy động vốn; Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy...

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn theo thể thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh và tài chính của Công ty; Tiến hành giám sát theo Điều lệ công ty đối với HĐQT, Giám đốc điều hành trong quá trình thi hành nhiệm vụ; Có quyền tìm hiểu số liệu, tài liệu và các thuyết minh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Báo cáo trước ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường xảy ra trong Công ty; Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết....

Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ: Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật...

Phòng Tổ chức hành chính

- Có trách nhiệm tham mưu giúp Giám đốc công ty về việc tuyển dụng biên chế và sắp xếp biên chế tại văn phòng, các đơn vị trực thuộc Công ty, trên cơ sở năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, sức khoẻ của từng cá nhân đảm bảo bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty hoạt động có hiệu quả. Tham mưu về công tác hành chính, công tác tiền lương, công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty theo đúng quy định của Nhà nước.
- Quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên lao động thuộc quyền quản lý của Công ty.
- Công tác nâng bậc lương, thi bậc thợ, an toàn vệ sinh lao động, PCCN.
- Công tác hành chính và chế độ chính sách cho người lao động.

Phòng Kỹ thuật – vật tư

- Xây dựng nội quy, quy trình vận hành dây chuyền SXCN cho các đơn vị theo đúng quy trình, qui phạm kỹ thuật và ATLĐ theo quy định của nhà nước. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác thực hiện nội quy, quy trình an toàn VSLĐ. Quản lý hồ sơ các thiết bị đảm bảo an toàn nghiêm ngặt. Có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định biện pháp thi công và an toàn lao động (do các đơn vị lập) trước khi trình Giám đốc phê duyệt.
- Kiểm tra kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dây chuyền công nghệ sản xuất nước và các công trình xây dựng. Quản lý dây truyền kiểm định đồng hồ và thực hiện công tác kiểm định đồng hồ theo đúng quy định của Tổng cục đo lường chất lượng Việt Nam.
- Chỉ đạo các xí nghiệp kinh doanh xử lý các sự cố về máy móc thiết bị và tuyển ống đảm bảo cấp nước an toàn ổn định cho từng địa bàn. Phối hợp với các đơn vị đưa ra những giải pháp chống thất thu thất thoát trên 2 phương diện quản lý và kỹ thuật.
- Có trách nhiệm hướng dẫn việc kiểm tra, theo dõi chất lượng nguồn nước ở XNKD nước trong phạm vi toàn Công ty. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước và sản phẩm nước sạch từ đó có biện pháp giải quyết phù hợp, kịp thời. Đồng thời quản lý chất lượng nước sạch của tất cả các xí nghiệp trực thuộc đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn của Bộ y tế về nước sinh hoạt.
- Xác định các sự cố khi có báo cáo của các đơn vị. Lập phương án xử lý để giải quyết kịp thời đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh.

Phòng kế hoạch đầu tư

- Xây dựng kế hoạch và tổng hợp kết quả thực hiện theo định kỳ để báo cáo cấp trên khi có yêu cầu.
- Thực hiện bước chuẩn bị đầu tư cho các dự án khi được Công ty giao.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị, quản lý kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn qui phạm của Nhà nước ban hành. Chủ động xây dựng kế hoạch, sản xuất. Tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo qui định của nhà nước đối với Công ty và kế hoạch Công ty giao cho các đơn vị.
- Kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tiến độ thực hiện dự án của Ban quản lý dự án, các nhà thầu tư vấn, xây lắp theo quy định về XD/CB.
- Xác định nhu cầu vật tư đưa vào từng công đoạn của các dây chuyền sản xuất nước đáp ứng đầy đủ phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thẩm tra hồ sơ dự toán, vật tư, thiết bị của các xí nghiệp kinh doanh nước sạch.
- Xác định nhu cầu vật tư tiền vốn đối với các xí nghiệp kinh doanh nước sạch tham gia xây lắp phải phù hợp với kế hoạch và tiến độ thi công đảm bảo đúng khối lượng yêu cầu kỹ thuật.
- Phối hợp với phòng Kế toán tài vụ để giải quyết những vướng mắc và nắm vững tình hình thanh quyết toán của các công trình.
- Hàng tháng lập báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tình hình sử dụng vật tư chủ yếu của từng xí nghiệp kinh doanh nước và các đơn vị xây lắp theo sản lượng thực hiện.
- Quy định thống nhất hệ thống biểu mẫu báo cáo kế hoạch kỹ thuật liên quan giữa các phòng ban nghiệp vụ, xí nghiệp kinh doanh nước và các đơn vị trực thuộc, tập hợp số liệu để tổng hợp báo cáo hàng tháng theo quy định của cơ quan cấp trên.
- Khảo sát thiết kế lập dự toán các hạng mục công trình cải tạo phát triển tuyến mạng, sửa chữa nhỏ của các xí nghiệp trong phạm vi quản lý của Công ty.
- Chủ động lập kế hoạch và lựa chọn vật tư, thiết bị, nguyên liệu đảm bảo phù hợp yêu cầu sản xuất. Trình Ban giám đốc công ty duyệt, phối hợp với phòng Kế toán tài vụ trong việc nhập xuất vật tư để phục vụ sản xuất cho các xí nghiệp kinh doanh.

- Kết hợp cùng phòng Kế toán tài vụ, phòng Tổ chức hành chính kiểm tra các hoạt động về sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp kinh doanh nước sạch.
- Tham mưu cho Ban giám đốc công ty về việc xây dựng và xác định các định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí nguyên nhiên liệu, vật tư hóa chất để xác định hình thức khoán cho các xí nghiệp và đầu tư và thực hiện cải tạo lại hệ thống cấp nước trong toàn công ty. Chủ trì việc kiểm tra thiết bị, máy, trước khi sửa chữa.
- Quản lý xe ô tô cầu tự hành hợp lý, an toàn, quản lý kho vật tư và nhập xuất vật tư, phối hợp cùng phòng Kế toán tài vụ trong việc nhập xuất để đảm bảo công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp.
- Tham mưu cho Công ty về chủ trương đầu tư xây dựng các dự án của Công ty; Có chức năng thẩm định dự án đầu tư, thẩm định kế hoạch đầu tư, kết quả đấu thầu để trình chủ đầu tư phê duyệt đối với các dự án có thẩm quyền theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Phòng kinh doanh

- Tham mưu cho giám đốc về quản lý khách hàng và kết quả khối lượng sản phẩm.
- Cung cấp số liệu về tình hình tiêu thụ nước sạch, thống kê khách hàng làm cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty phát triển sản xuất kinh doanh.

Phòng tài chính kế toán

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp.
- Ghi chép, tính toán, phản ánh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế tài chính, cung cấp số liệu tài liệu về việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh phục vụ cho việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.
- Phối kết hợp với các phòng, ban chức năng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch vật tư, nguồn vốn theo tháng, quý, năm. Xây dựng kế hoạch vốn và đảm bảo nguồn vốn đáp ứng yêu cầu SXKD của doanh nghiệp.
- Có trách nhiệm theo dõi việc hạch toán kết quả kinh doanh nước sạch theo từng xí

ng nghiệp kinh doanh nước sạch, từng công trình của các xí nghiệp tham gia xây lắp, báo cáo kịp thời cho Giám đốc công ty.

- Lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành, phân tích tình hình SXKD của toàn công ty. Báo cáo tình hình thanh toán công nợ, kế hoạch thu hồi vốn.

Ban quản lý dự án

- Là đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu, đề xuất giúp Chủ đầu tư thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao và quyền hạn do Chủ đầu tư uỷ quyền. Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ được giao và quyền hạn được uỷ quyền. Thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của Nhà nước về ĐTXD cơ bản.
- Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, xin cấp giấy phép xây dựng (nếu cần) chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình.
- Lập hồ sơ mời dự thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu khi có quyết định của Chủ đầu tư.
- Chủ đầu tư uỷ quyền cho trưởng Ban quản lý dự án đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công, tiến độ thực hiện xây dựng công trình đã có đủ điều kiện hoặc khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng đã ký kết. Thực hiện thanh toán giai đoạn hoàn thành và tổng quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đã hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
- Kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận khối lượng hoàn thành, khối lượng phát sinh và làm các thủ tục thanh toán. Tổ chức giám định chất lượng xây dựng, nghiệm thu và bàn giao công trình hoàn thành cho các tổ chức, đơn vị quản lý để đưa vào khai thác, sử dụng.
- Thực hiện việc quản lý vốn, thu, chi, kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án cho cán bộ, nhân viên tham gia trực tiếp trong biên chế và hoạt động kiêm nhiệm hoặc hoạt

động quản lý theo đúng quy định và chế độ hiện hành, công khai minh bạch.

- Được đề nghị Chủ đầu tư đề đình chỉ các công việc xây dựng nếu chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật, không đảm bảo an toàn và không đảm bảo yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Báo cáo Chủ đầu tư kịp thời nếu xét thấy bên nhận thầu làm không đúng hoặc không đạt yêu cầu theo quy định của công tác nghiệm thu; đề xuất, kiến nghị xử lý theo đúng luật định.

Các xí nghiệp kinh doanh nước sạch

- Các xí nghiệp kinh doanh nước sạch là đơn vị trực thuộc công ty, nằm trên đại bàn 8 huyện lỵ và thành phố Lào Cai, có trách nhiệm quản lý, vận hành, sản xuất và kinh doanh phân phối sản phẩm nước theo kế hoạch của công ty. Đồng thời được thi công xây lắp các công trình phù hợp với năng lực của đơn vị mình và theo kế hoạch của công ty.
- Quản lý cơ sở vật chất, quản lý nhân lực, quản lý và kinh doanh nước sạch.
- Vận hành thành thạo các trang thiết bị kỹ thuật trên tuyến đảm bảo cấp và phân phối nước an toàn, thường xuyên, liên tục, ổn định trong phạm vi quản lý.
- Nắm vững điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn nơi tuyến ống cấp nước đi qua, kết cấu neo giữ ống và các thiết bị trên tuyến mạng, cấu tạo vật liệu ống và thiết bị, chất lượng hiện trạng cũng như các điều kiện của môi trường có thể tác động để có biện pháp ngăn ngừa và xử lý kịp thời khi có sự cố trên tuyến.
- Có biện pháp chống thất thu, thất thoát nước để nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

12.2. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hóa

Bảng 12: Một số chỉ tiêu chủ yếu sau cổ phần hóa

Số TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm			
			2015	2016	2017	2018
I	CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NƯỚC MÁY Tổng công suất	m3/ng.đêm	86.800	94.000	94.000	102.000

Số TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm			
			2015	2016	2017	2018
1	Sản lượng sản xuất theo công suất	m ³ /năm	31.682.000	34.310.000	34.310.000	37.080.000
	Sản lượng nước máy sản xuất dự kiến	m ³ /năm	18.833.241	20.042.016	21.958.174	25.142.109
	Tỷ lệ SX đạt theo công suất thiết kế	%	59,4	58,4	64,9	67,8
2	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m ³	14.292.881	16.008	17.609	19.722
	Tỷ lệ thất thoát BQ	%	25	26	26	25,1
3	(gồm cả 5,1% bán thân trạm)	%	25	26	26	25,1
	Tỷ lệ thất thoát trên tuyến (cấp ra - thu về)	%	20,9	20,9	20,9	20,0
4	Giá bán nước máy bình quân	Đồng/m ³	7.750	7.750	7.750	8.200
II CÁC CHỈ TIÊU CHUNG						
1 Lao động và thu nhập.						
1.1	Tổng số lao động	Người	333	345	360	375
1.2	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	7,5	8	8,5	9
2 Nộp Ngân sách nhà nước						
2.1	Thuế GTGT	Triệu đồng	2.500	2.500	3.000	3.500
2.2	Thuế tài nguyên	Triệu đồng	300	350	400	450
2.3	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	662	784	983	1.263
2.4	Các khoản thuế khác	Triệu đồng				
2.5	Tiền thuê đất	Triệu đồng				
2.6	Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt	Triệu đồng	7.000	7.000	8.000	9.000
III CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH						
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	324.503	363.427	366.427	367.927
2	Vốn Chủ sở hữu (Vốn điều lệ)	Triệu đồng	171.627	182.245	182.930	184.236
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	111.000	132.062	139.470	164.720
3.1	Doanh thu sản xuất kinh doanh nước sạch	Triệu đồng	107.000	124.062	136.470	161.720
3.2	Doanh thu xây lắp + khác	Triệu đồng	4.000	8.000	3.000	3.000
4	Chi phí sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	104.380	124.218	129.494	152.086
	Chi phí SX nước		100.580	116.618	126.644	149.236
	Chi phí xây lắp		3.800	7.600	2.850	2.850
	Tỷ lệ chi phí/Tổng doanh thu	%	94,0	94,0	92,8	92,3
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.620	7.844	9.976	12.635
6	Tỷ suất LN trước thuế / doanh thu	%	6,0	5,9	7,2	7,7
7	Trích quỹ PTKH và CN (nếu có) 3%		199	235	299	379
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /vốn CSH	%	3,86	4,30	5,45	6,86
9	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	642	761	968	1.226
10	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.779	6.848	8.709	11.030
10.1	Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	Triệu đồng	1.734	685	766	896
10.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	Triệu đồng	3.745	1.027	1.306	1.655

Số TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm			
			2015	2016	2017	2018
10.3	Trích quỹ khen thưởng BĐH (2%)	Triệu đồng	300	205	261	331
10.4	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức	Triệu đồng	0	4.930	6.357	8.149
11	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	0	2,71	3,49	4,42

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Nhằm thực hiện được phương án sản xuất kinh doanh đã đề ra, Công ty sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

a. Giải pháp về Quản trị điều hành

Để được mục tiêu và chiến lược kinh doanh, Công ty chú trọng đổi mới công tác quản trị như: (1) Hoạch định kế hoạch, (2) xây dựng chiến lược và lập kế hoạch hoạt động; (3) tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, (4) lãnh đạo chỉ đạo các bộ phận, cá nhân có liên quan; (5) kiểm soát quá trình thực hiện nhằm huy động mọi nguồn lực để đạt được các mục tiêu đề ra. (6) Nâng cao vai trò quản trị điều hành, kết hợp hài hòa giữa quản lý khoa học và nghệ thuật trong quá trình quản trị.

b. Giải pháp về tổ chức quản lý

Để đạt được mục tiêu vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh theo cơ chế thị trường trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước và công tác ghi thu.

Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác ghi và thu có hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty. Nhân viên ghi thu là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo bài bản để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.

Tiến hành lắp đặt ngay đồng hồ đo lưu lượng nước phát vào mạng đối với những tuyến chưa được lắp đặt của từng xí nghiệp, các xí nghiệp phải có trách nhiệm phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát thất thu trên địa bàn của mình. Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, cơ quan pháp luật (nếu cần) để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, xử lý nghiêm hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đầu nối trái phép.

Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi

hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Tiếp tục hoàn thiện chế độ trả lương gắn với vị trí, hiệu quả công việc nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, công nhân viên làm việc có hiệu quả và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty.

Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các đầu máy sọt, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đầu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số hộ khách hàng dùng nước.

Tăng cường công tác kiểm soát, chống thất thoát trên các tuyến vùng, tăng khả năng kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất của các xí nghiệp và các nhà máy tránh tình trạng báo cáo không trung thực làm tăng tỷ lệ thất thoát, thất thu.

c. Giải pháp về công nghệ

Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác quản lý chống thất thoát nước nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.....

d. Giải pháp về tài chính

Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai trong giai đoạn từ 2016 - 2018 cần khoảng 174,36 tỷ đồng.

Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển, Công ty huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác kinh doanh, công ty liên doanh, công ty liên kết; Công ty đề nghị Nhà nước cho Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn ODA và vốn khác để thực hiện các dự án.

Phương châm đầu tư: Lựa chọn Đầu tư các dự án trọng điểm gồm xây mới, cải tạo và mở rộng nhà máy nước, tuyến ống truyền dẫn, tuyến ống phân phối nước để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

e. Giải pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh chính vì vậy nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết cho sự phát triển của Công ty.

Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, Công ty tiến hành trang bị bồi dưỡng những kiến thức kinh doanh, tạo điều kiện cho các cán bộ học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường .

Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, hiệu quả lao động thấp.

Công ty tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV-LĐ trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận để giải quyết công việc nhanh chóng và chính xác.

Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân người lao động, Công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm cân bằng hợp lý thưởng phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao hay những người có những ý kiến đóng góp cho Công ty trong kinh doanh.

f. Giải pháp về mở rộng thị trường

Để đảm bảo tiến hành kinh doanh có hiệu quả, trong thời gian tới Công ty quan tâm nghiên cứu mở rộng thị trường. Đảm bảo sản phẩm sản xuất ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Trên cơ sở duy trì và giữ vững được thị trường hiện tại của mình và mở rộng thị trường tiêu thụ nước sạch trên địa bàn toàn tỉnh, quan tâm cấp nước đến những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Trong nghiên cứu thị trường Công ty tiến hành thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu nước sạch vào cả mùa hè và mùa đông. Sau khi tiến hành phân tích và xử lý các thông tin đã thu thập được, xác định nhu cầu của thị trường.

Công ty quan tâm xây dựng các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của Công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường. Các Phòng ban chuyên môn kết hợp các Xí nghiệp cần làm công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, lập kế hoạch nhu cầu thị trường, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty.

13. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

13.1 Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ (làm tròn số): 153.804.610.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba*

tỷ, tám trăm linh tư triệu, sáu trăm mười ngàn đồng)

- Tổng số cổ phần phát hành: 15.380.461 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

Bảng 13: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	9.840.061	98.400.610.000	63,98
2	Cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên (danh sách kèm theo)	420.200	4.202.000.000	2,73
3	Cổ phần bán cho cổ đông là cán bộ công nhân viên cam kết làm việc lâu dài	820.200	8.202.000.000	5,33
4	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược (số dự kiến)	2.150.000	2.150.000.000	13,98
5	Cổ phần bán đấu giá công khai	2.150.000	2.150.000.000	13,98
	Cộng	15.380.461	153.804.610.000	100%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

13.2 Phương án tăng, giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần

Hiện tại, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai có một số công trình cấp nước đã hoàn thiện, đưa vào sử dụng và được nghiệm thu, quyết toán giá trị công trình, có một số công trình đang trong quá trình triển khai. Các dự án này có nguồn vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay, vốn khấu hao và nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Sau khi các dự án hoàn thiện, được đưa vào sử dụng và có quyết toán thực tế công trình hoàn thành, phần giá trị đầu tư còn lại của Nhà nước sẽ được bổ sung tăng vốn điều lệ và được tính vào giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần. Lúc đó, dự kiến vốn điều lệ Công ty cổ phần tăng lên từ 182 tỷ đồng (năm 2016) lên mức 184 tỷ đồng (năm 2018).

14. Các rủi ro dự kiến

14.1 Rủi ro về kinh tế

Chịu ảnh hưởng từ cuộc suy thoái kinh tế từ năm 2008, nền kinh tế Việt Nam trong những năm tiếp theo gặp nhiều khó khăn, thách thức trong việc ngăn chặn lạm phát và duy trì tốc độ tăng trưởng. Bằng nhiều biện pháp tích cực của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu phục hồi trong giai đoạn 2011 – 2014. Cụ thể, tăng trưởng GDP năm 2011 là 5,89%, năm 2012 là 5,03%, năm 2013 là 5,4%, đến năm 2014 tốc độ tăng trưởng ổn định đạt 5,98% vượt xa so với nhiều dự báo, nền kinh tế trong 9 tháng đầu năm năm 2015 tiếp tục xu hướng phục hồi khi GDP tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán đã tăng trở lại, thị trường bất động sản ấm dần, đồng thời Chính phủ cũng có nhiều cải cách về hệ thống pháp luật... Đây chính là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự tăng trưởng tất cả các ngành trong nền kinh tế nói chung và của ngành cung cấp nước sạch nói riêng.

Ngoài ra, cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế và xu hướng hội nhập, vấn đề nước sạch ngày càng trở nên quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam. Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

14.2 Rủi ro về luật pháp

Công ty cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các chính sách của Chính phủ liên quan đến việc cung cấp nước sạch... Vì vậy, sự thay đổi chính sách về mặt Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Mặt khác, các quy định pháp luật, các văn bản luật và các luật liên quan vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ nên liên tục có những thay đổi, ảnh hưởng đến chiến lược phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải chủ động nghiên cứu nắm bắt sát sao các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn.

14.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro thất thoát nước

Nước sạch là một mặt hàng đặc biệt, nhu cầu ít biến động khi nền kinh tế bị suy thoái và đặc biệt tăng nhanh khi nền kinh tế phục hồi, tốc độ đô thị hóa cao.

Tuy nhiên, do việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ gây vỡ đường ống cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch bằng cách khoan thẳng vào mạng đường ống, lắp đặt ống riêng để sử dụng không qua đồng hồ đo đếm cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát nước và gây nguy hại cho đường ống chính, có thể gây vỡ, rò rỉ nước.

Rủi ro đầu vào sản xuất

Một doanh nghiệp sản xuất nước sạch chịu sự ảnh hưởng lớn của hai yếu tố chính là nước thô và nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là các hóa chất, không chiếm nhiều tỷ trọng trong giá vốn. Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước. Với nguồn nước chính là từ hồ Thác Bà, trong quá trình mở rộng sản xuất, Công ty có thể chịu rủi ro về sự ổn định cung cấp nước từ hồ, đặc biệt là vào mùa khô. Ngoài ra, với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa hiện nay, nguồn nước còn chịu rủi ro ô nhiễm lớn từ các nhà máy trên địa bàn.

Rủi ro giá đầu ra

Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Các doanh nghiệp cấp nước phải tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Đặc biệt, giá nước luôn được Nhà nước quan tâm và điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước bằng cách ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực trên phạm vi cả nước. Với khung giá nước được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem là hạn chế trong việc đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp cấp nước

14.4 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty nhằm mục đích bán một phần vốn nhà nước, trở thành Công ty cổ phần, giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường chứng khoán đang bắt đầu phục hồi chậm, ảnh hưởng đến việc phát hành của Công ty. Tuy nhiên với tiềm năng phát triển trong tương lai, Công ty kỳ vọng sẽ nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ các nhà đầu tư.

14.5 Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất thường, khách quan, khả năng xảy ra rất hiếm hoi, đó là các hiện tượng do thiên tai gây ra như động đất, bão lụt hay chiến tranh... Những rủi ro

này rất hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như gây ra tổn thất về mặt cơ sở hạ tầng, đình trệ sản xuất, gián đoạn kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

15. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

15.1 Phương thức bán

a. Đối với người lao động

- Tổng số người lao động được mua cổ phần ưu đãi: **301 người**.
- Tổng số năm công tác: **4.239 năm**.
- Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: **420.200 cổ phần**, tương ứng **2,73%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Tổng số người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty (theo khoản 2, điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP): **302 người**
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty: **820.200 cổ phần**, tương ứng **5,33%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện: sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động của Công ty được xác bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá công khai.
- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá đấu thành công thấp nhất của phiên bán đấu giá công khai.
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động được thực hiện tại doanh nghiệp.

b. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá

- Tổng số cổ phần bán đấu giá công khai: **2.150.000 cổ phần**, tương ứng **13,98%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Giá bán: Xác định theo phương thức đấu giá cạnh tranh quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011.
- Phương thức đấu giá cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

c. Đối với Nhà đầu tư chiến lược

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ theo Văn bản số 2211/UBND- ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai khi cổ phần hóa thì tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược như sau:

❖ **Tiêu chí cụ thể**

- Là nhà đầu tư trong nước hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành cấp thoát nước, vật tư ngành nước; hoạt động tư vấn, hoạt động xây dựng công trình chuyên ngành cấp thoát nước.
- Đã có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm.
- Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:
 - + Có tổng tài sản tối thiểu 200 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2014;
 - + Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 100 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2014;
 - + Chứng minh có đủ nguồn vốn góp;
 - + Có lợi nhuận sau thuế dương trong hai năm 2013 và 2014 và không có nợ xấu
- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty cổ phần, hỗ trợ Công ty cổ phần trong một hoặc một số lĩnh vực quy định tại Mục 1, không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Không thực hiện các giao dịch nào với Công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền, hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của Công ty cổ phần; Không chuyển nhượng cổ phần được mua cho nhà đầu tư nước ngoài dưới bất kỳ hình thức nào.

❖ **Hồ sơ nhà đầu tư chiến lược**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao hợp lệ)
- Bản cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai và hỗ trợ Công ty sau cổ phần hóa.
- Hồ sơ năng lực của tổ chức: Báo cáo tài chính năm 2013 và 2014. (đã được kiểm toán)

- ❖ **Phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược** áp dụng Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

- Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: **2.150.000 cổ phần** với tổng mệnh giá là: **21.150.000.000 đồng**, chiếm **13,98%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Phương thức bán: Bán thoả thuận. Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua với tổng số cổ phần đăng ký mua lớn hơn tổng số cổ phần chào bán thì sẽ tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược đã đăng ký theo quy định hiện hành.
- Giá bán: Giá bán là giá thỏa thuận giữa nhà đầu tư chiến lược và Ban Chỉ đạo cổ phần hóa hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua theo kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

❖ Quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

- Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ làm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.
- Sau khi có kết quả bán đấu giá cổ phần của cuộc bán đấu giá công khai, Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với doanh nghiệp cổ phần hóa tiến hành thỏa thuận với các nhà đầu tư chiến lược về số cổ phần được mua, giá bán cổ phần báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt.
- Doanh nghiệp và nhà đầu tư chiến lược ký hợp đồng mua/bán cổ phần trong vòng 10 ngày kể từ ngày có biên bản xác định kết quả bán đấu giá cổ phần của cuộc bán đấu giá công khai.
Nhà đầu tư chiến lược phải thanh toán tiền mua cổ phần còn lại trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua /bán cổ phần

15.2 Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần đấu giá công khai:
Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “**Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai**” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.
- Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:
Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán theo quy định trong các văn bản pháp

luật liên quan.

- Đối với cổ phần bán cho người lao động:

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán theo quy định trong các văn bản pháp luật liên quan.

16. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt bán đấu giá

Dự kiến theo giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần

Bảng 14: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Số tiền
1. Vốn điều lệ Công ty cổ phần	153.804.610.000
2. Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	153.804.610.000
3. Tiền thu từ cổ phần hoá	53.723.200.000
- Từ bán cổ phần ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV.	2.521.200.000
- Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài tại công ty.	8.202.000.000
- Từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược	21.500.000.000
- Từ bán đấu giá	21.500.000.000
4. Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	500.000.000
5. Chi phí giải quyết chế độ cho người lao động (dự kiến)	217.223.140
Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (3) – [(4) + (5)]	53.005.976.860

Nguồn: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

17. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa

17.1 Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Ông Trịnh Xuân Trường : Giám đốc Sở Xây dựng - Trưởng ban

Ông Lý Bình Minh : Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư - Phó Trưởng ban

Bà Đinh Thị Nhài : Phó Giám đốc Sở Tài chính - Phó Trưởng ban

Ông Vũ Xuân Cường : Giám đốc Sở Nội vụ - Thành viên

- Ông Nguyễn Đức Lành** : Phó Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội - Thành viên
- Ông Lê Ngọc Dương** : Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Thành viên
- Ông Ngô Thanh Phương** : Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai - Thành viên

Bản công bố thông tin này do doanh nghiệp cổ phần hóa và đơn vị tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai thông qua nội dung.

17.2 Đại diện Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

- Ông Ngô Thanh Phương** : Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai
- Ông Nguyễn Quốc Huy** : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

17.3 Đơn vị tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

- **Ông Nguyễn Đỗ Lăng** Tổng giám đốc

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

V. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14. Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ qui định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

“a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, trong trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật chứng khoán về công ty đại chúng, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

VI. THAY LỜI KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin, số liệu do Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai cung cấp, thông qua. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp các nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai.

Ban chỉ đạo cổ phần hoá, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai đã tiến hành soát xét và phê duyệt bản công bố thông tin bán đấu giá cổ phần của công ty. Ban chỉ đạo cổ phần hoá, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai xin cam kết bản công bố thông tin trên đây được lập trên cơ sở các dữ liệu, thông tin theo đúng quy định, đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, chính xác, công khai. Trong trường hợp có sự kiện bất thường phát sinh gây ảnh hưởng tới giá trị doanh nghiệp, làm thay đổi thông tin trong bản công bố, chúng tôi cam kết sẽ kịp thời thông báo cho các bên liên quan đảm bảo lợi ích hợp pháp của các đối tượng sử dụng thông tin.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Lào Cai.

Xin trân trọng cảm ơn!

Lào Cai, ngày ... tháng ... năm 2015

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ
GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG - TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

TRỊNH XUÂN TRƯỜNG

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ
CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH LÀO CAI
CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN**

NGÔ THANH PHƯƠNG

NGUYỄN QUỐC HUY

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN ĐỖ LĂNG